

CHUẨN ĐẦU RA

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVĐ ngày tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Phạm Văn Đồng)

Tên ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

Tên tiếng Anh: Vietnamese Literature Teacher Education

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn bậc phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục phổ thông và xã hội. Sinh viên tốt nghiệp đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng nhiệm vụ của giáo viên Ngữ văn phổ thông, có khả năng thích ứng với những đổi mới giáo dục ở bậc phổ thông theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; có khả năng nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng sự phát triển của giáo dục bậc phổ thông trong những thập kỉ tới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu của chương trình đào tạo (PO)	
1.2.1. Về kiến thức	
PO1	Có các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học cơ bản và khoa học giáo dục để giảng dạy và học tập suốt đời.
PO2	Có kiến thức chuyên môn Ngữ văn và nghiệp vụ sư phạm để giảng dạy và nghiên cứu Ngữ văn.
1.2.2. Về kỹ năng	
PO3	Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Ngữ văn
PO4	Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong giảng dạy và nghiên cứu Ngữ văn.
PO5	Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	
PO6	Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tự học, học tập suốt đời và hội nhập toàn cầu.

1.3. Trình độ ngoại ngữ

Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam

hoặc tương đương.

1.4. Trình độ tin học

Đạt trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương.

1.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn có thể giảng dạy Ngữ văn tại các trường THPT, THCS, các Trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ quan, tổ chức đoàn thể xã hội khác liên quan chuyên ngành được đào tạo (hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; theo dõi và quản lý hoạt động văn hoá, văn học, ngôn ngữ v.v.).

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn, sinh viên có khả năng:

Nội dung chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)				Phân cấp theo bảng phân loại học tập		
				Miền nhận thức	Miền xúc cảm	Miền tâm vận động
PLO1	Vận dụng các kiến thức lý luận chính trị, pháp luật, khoa học cơ bản và khoa học giáo dục vào hoạt động nghề nghiệp.	PI 1.1	Thể hiện được bản lĩnh chính trị, sự hiểu biết cơ bản về pháp luật, có những hành động đúng trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp.		5	
		PI 1.2	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội như lịch sử, xã hội học, nghệ thuật,... vào công tác giảng dạy bộ môn Ngữ văn và dạy học tích hợp ở phổ thông.	3		2
		PI 1.3	Vận dụng được các kiến thức về giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh vào quá trình rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe để làm việc	3		5

			và bảo vệ Tổ quốc.			
		PI1.4	Vận dụng các kiến thức về khoa học giáo dục như Giáo dục học, Tâm lý học, Lý luận dạy học để tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.	3		
PLO2	Vận dụng kiến thức Ngữ văn để dạy học và ứng dụng vào đời sống.	PI 2.1	Mô tả được các khái niệm, thuật ngữ về ngôn ngữ học, văn học.	1		
		PI 2.2	Vận dụng được các kiến thức về văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, Lý luận văn học, tiếng Việt và Làm văn vào quá trình đọc hiểu tích tác gia, tác phẩm văn học .	4		4
		PI2.3	Vận dụng được các kiến thức về tiếng Việt và Làm văn vào quá trình viết các kiểu loại văn bản trong chương trình Ngữ văn phổ thông.	3		4
		PI2.4	Nhận biết, giải thích được các hiện tượng văn học, ngôn ngữ và ứng dụng chúng vào đời sống.	2		
PLO3	Phân tích và phát triển chương trình môn Ngữ văn; thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.	PI3.1	Phân tích được cấu trúc chương trình Ngữ văn phổ thông và phát triển chương trình môn Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.	4		
		PI3.2	Thiết kế được kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học hiệu quả			5
		PI3.3	Vận dụng các phương pháp giáo dục và phương pháp, kỹ thuật dạy học để triển khai tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tế và từng đối	3		4

			tượng người học.			
		PI3.4	Vận dụng hợp lý các phương pháp kiểm tra đánh giá để đánh giá người học và phân tích kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục.	3		3
PLO4	Thiết kế và thực hiện được các bài giảng Ngữ văn.	PI4.1	Thiết kế các bài giáo án Ngữ văn phổ thông theo đúng quy trình các bước.			5
		PI4.2	Phân tích, đánh giá các nội dung về phẩm chất, năng lực, thái độ trong việc soạn giáo án Ngữ văn phổ thông (như Văn, Tiếng Việt, Làm văn) chính xác và hiệu quả.	5		
		PI4.3	Thực hiện dạy học theo thiết kế giáo án Ngữ văn một cách thành thục.			4
PLO5	Thực hành được các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm vào hoạt động nghề nghiệp.	PI5.1	Sử dụng hiệu quả, sáng tạo các phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học.			5
		PI5.2	Phân tích và đánh giá được các đặc điểm tâm lý của học sinh để giao tiếp hiệu quả với học sinh, giải quyết hợp lý được các tình huống sư phạm.		5	4
		PI5.3	Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm Ngữ văn vào việc tổ chức và hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể, các hoạt động ngoại khóa, tham quan, dã ngoại...	3		5
PLO6	Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp.	PI6.1.	Sử dụng được các phần mềm tin học ứng dụng cơ bản để viết được các báo cáo, các bài thuyết trình, soạn kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn			2
		PI6.2.	Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ dạy học, các			2

			phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông, thiết bị công nghệ trong dạy học Ngữ văn.			
		PI6.3	Sử dụng được ngoại ngữ trong nghiên cứu tài liệu phục vụ giảng dạy và giao tiếp hàng ngày, đạt năng lực bậc 3/6 dành cho Việt Nam.			3
PLO7	Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Ngữ văn, khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục.	PI7.1.	Vận dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu khoa học để phát hiện và giải quyết được các vấn đề cần nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên ngành và lĩnh vực liên quan.	3		4
		PI7.2	Viết được đề cương nghiên cứu đề tài khoa học, tiêu luận và trình bày được các báo cáo khoa học.	3		5
PLO8	Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.	PI8.1	Đưa ra được các lập luận logic để phản biện lại được vấn đề người khác nêu ra trong các buổi học, thuyết trình, báo cáo semina...	3		4
		PI8.2.	Đề xuất được các ý tưởng mới để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực hành nghề nghiệp và thực tiễn.			4
		PI8.3	Hình thành được ý tưởng khởi nghiệp thông qua các hoạt động thực hành, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phong trào, tình nguyện.			4
PLO9	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm	PI9.1	Sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương thức giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong giao tiếp hàng ngày và hoạt động nghề nghiệp.		3	
		PI9.2	Ứng xử văn hóa, phù hợp, chuẩn mực trong nhà trường và xã hội.		3	

		PI9.3.	Tổ chức hoạt động, phân công, phối hợp làm việc nhóm hiệu quả.			4
PLO10	Thể hiện phẩm chất đạo đức nhà giáo; có tác phong sư phạm.	PI10.1	Thể hiện việc chấp hành nghiêm chỉnh Pháp luật nhà nước, kỉ luật của nhà trường.		5	
		PI10.2	Thể hiện tinh thần tích cực, ý thức tự học; cẩn thận, trung thực trong khoa học.		5	
		PI10.3	Hành vi ứng xử chuẩn mực, phù hợp quy tắc đạo đức và tác phong nhà giáo.		5	

Ghi chú: Mức độ bằng phân loại Bloom

Miền/Mức độ	1	2	3	4	5	6
Nhận thức	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo
Xúc cảm	Tiếp nhận	Đáp ứng	Hình thành giá trị	Tổ chức	Đặc trưng hóa các giá trị	
Vận động	Bắt chước	Thao tác	Chuẩn hóa	Phối hợp	Tự nhiên hóa	

3. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mục tiêu (POs)					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	x					
PLO2		x				
PLO3		x	x			
PLO4		x	x			
PLO5		x	x			
PLO6				x		
PLO7			x			
PLO8					x	
PLO9					x	
PLO10						x

4. Bản đối sánh và tham chiếu các nội dung về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được nhà trường tham khảo từ các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế

STT	Trường ĐH Phạm Văn Đồng/ Ngành SP Ngữ văn	ĐH Sư phạm Hà Nội/ Ngành SP Ngữ văn	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh/ Ngành SP Ngữ văn
1	<i>Mục tiêu đào tạo</i>		
1.1	PO1: Có các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học cơ bản và khoa học giáo dục để giảng dạy và học tập suốt đời	Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân.
1.2	PO2: Có kiến thức chuyên môn Ngữ văn và nghiệp vụ sư phạm để giảng dạy và nghiên cứu Ngữ văn.	Năng lực ngành Ngữ văn (Năng lực đặc thù của khoa học ngành Ngữ văn; năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và tri thức Ngữ văn để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông; năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành vào thực tiễn; Năng lực nghiên cứu Khoa học Ngữ văn và khoa học giáo dục Ngữ văn; năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn).	Năng lực chuyên môn: - Năng lực hiểu và vận dụng kiến thức ngôn ngữ - Năng lực hiểu và vận dụng kiến thức văn học - Năng lực nghiên cứu khoa học
1.3	PO3: Có năng lực tổ	Năng lực sư phạm: Năng lực dạy học (Năng	Năng lực nghề nghiệp:

STT	Trường ĐH Phạm Văn Đồng/ Ngành SP Ngữ văn	ĐH Sư phạm Hà Nội/ Ngành SP Ngữ văn	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh/ Ngành SP Ngữ văn
	chức các hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Ngữ văn	lực giáo dục; năng lực định hướng sự phát triển học sinh; năng lực hoạt động xã hội; năng lực phát triển nghề nghiệp); năng lực nghiên cứu khoa học Ngữ văn và khoa học giáo dục Ngữ văn	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực hiểu người học - Năng lực phát triển chương trình; nghiên cứu, thiết kế và thực hành hoạt động dạy học - Năng lực hiểu môi trường giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục - Năng lực đánh giá
1.4	PO4: Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong giảng dạy và nghiên cứu Ngữ văn.	Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.	Năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin.
1.5	PO5: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.	Năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực phản biện.	<p>Năng lực giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong giao tiếp hàng ngày và trong hoạt động chuyên môn. - Sử dụng hiệu quả các phương tiện giao tiếp đa phương thức.
1.6	PO6: Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tự học, học tập suốt đời và hội nhập toàn cầu.	<p>Trách nhiệm và tận tâm; ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.</p> <p>Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.</p>	Phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp - Trách nhiệm với nghề giáo và thể hiện tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. Đảm bảo tác phong sư phạm.

STT	Trường ĐH Phạm Văn Đồng/ Ngành SP Ngữ văn	ĐH Sư phạm Hà Nội/ Ngành SP Ngữ văn	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh/ Ngành SP Ngữ văn
2	<i>Chuẩn đầu ra</i>		
2.1	PLO1: Vận dụng các kiến thức lý luận chính trị, pháp luật, khoa học cơ bản và khoa học giáo dục vào hoạt động nghề nghiệp.	Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế – xã hội quan trọng của đất nước. Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú và lối sống có văn hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường nhà trường. Thiết kế và tổ chức được các hoạt động xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập.	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. - Trách nhiệm đối với Tổ quốc, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.
2.2	PLO2: Vận dụng kiến thức Ngữ văn để giảng dạy và ứng dụng vào đời sống.	Vận dụng được năng lực thẩm mỹ, năng lực tư duy ngôn ngữ và văn học. Vận dụng được năng lực sử dụng tri thức lý luận và công cụ cho môn Ngữ văn. Vận dụng được năng lực giải quyết các vấn đề Ngữ văn. Vận dụng được năng lực giao tiếp ngôn ngữ và văn học.	Năng lực chuyên môn: Năng lực hiểu và vận dụng kiến thức ngôn ngữ. Năng lực hiểu và vận dụng kiến thức văn học.
2.3	PLO3: Phân tích và phát triển chương trình môn Ngữ văn; thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học định hướng	Tóm tắt và phân tích được toàn bộ chương trình môn Ngữ văn phổ thông một cách chính xác, đúng bản chất trong một chỉnh thể thống nhất	Năng lực phát triển chương trình; nghiên cứu, thiết kế và thực hành hoạt động dạy học

STT	Trường ĐH Phạm Văn Đồng/ Ngành SP Ngữ văn	ĐH Sư phạm Hà Nội/ Ngành SP Ngữ văn	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh/ Ngành SP Ngữ văn
	phát triển phẩm chất, năng lực người học.	của khoa học ngôn ngữ và văn học.	
2.4	PLO4: Thiết kế và thực hiện được các bài giảng Ngữ văn	Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá. Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục.	- Vận dụng được các lí thuyết phát triển chương trình để thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học.
2.5	PLO5: Thực hành được các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm vào hoạt động nghề nghiệp.	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (Đưa ra được ý tưởng mới. Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác. Hình thành và triển khai được ý tưởng mới. Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề. Đánh giá được	- Vận dụng được các lí thuyết về phương pháp dạy học để tổ chức hoạt động dạy học hiệu quả. - Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để thực hiện những nghiên cứu đơn giản phục vụ hoạt động dạy học hiệu quả. - Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học một cách hiệu quả, sáng tạo.

STT	Trường ĐH Phạm Văn Đồng/ Ngành SP Ngữ văn	ĐH Sư phạm Hà Nội/ Ngành SP Ngữ văn	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh/ Ngành SP Ngữ văn
		giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự).	
2.6	PLO6: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp.	Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	Năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin - Có kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 theo <i>Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</i> . - Có kiến thức và kỹ năng tin học đạt trình độ Tin học cơ bản.
2.7	PLO7: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Ngữ văn, khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục.	Thực hiện được những nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn dưới sự hướng dẫn của giáo viên.	Năng lực nghiên cứu khoa học (Phát hiện và đề xuất vấn đề nghiên cứu, vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết vấn đề. Viết đề cương nghiên cứu và tiểu luận khoa học Ngữ văn).
2.8	PLO8: Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.	Năng lực phản biện: Có tư duy độc lập. Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin. Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một	Năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề - Phân tích, đánh giá được các thông tin và ý tưởng. - Phát hiện và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo.

STT	Trường ĐH Phạm Văn Đồng/ Ngành SP Ngữ văn	ĐH Sư phạm Hà Nội/ Ngành SP Ngữ văn	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh/ Ngành SP Ngữ văn
		quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận.	
2.9	PLO9: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm	Năng lực giao tiếp và hợp tác (Thực hiện được các yêu cầu của giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh, cán bộ quản lí các cấp và cộng đồng. Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả. Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp).	Năng lực hợp tác: - Làm việc nhóm, thành lập và quản lí nhóm hiệu quả. - Tôn trọng sự khác biệt và tìm sự thống nhất qua thảo luận, tranh luận.
2.10	PLO10: Thể hiện phẩm chất và đạo đức nhà giáo; có tác phong sư phạm	Trung thực và đáng tin cậy. Trách nhiệm và tận tâm.	Phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp: - Trách nhiệm với nghề giáo và thể hiện tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. - Đảm bảo tác phong sư phạm.